

Số: 180 /BC-THCSXT

Thành phố Thủ Đức, ngày 09 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Xuân Trường

1.2. Thông tin liên lạc:

- Địa chỉ: 47 Quốc lộ 1K, phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.38975924
- Địa chỉ thư điện tử: thcsxuantruong.td@hcm.edu.vn
- Trang thông tin điện tử: <https://thcsxuantruong.hcm.edu.vn>

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Sứ mạng nhà trường: Xây dựng trường học hạnh phúc giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực và các giá trị sống.
- Tầm nhìn của trường: Xây dựng trường THCS Xuân Trường là một trong những trường có chất lượng của thành phố Thủ Đức. Môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, có nhân cách và trí tuệ thời đại, thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.
- Mục tiêu của nhà trường: Đảm bảo 100% học sinh được học tập và giáo dục theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trang bị kiến thức cơ bản, nâng cao theo chuẩn kiến thức của Bộ Giáo dục và đào tạo. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục công lập cấp THCS, tạo điều kiện cho học sinh được phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ và kỹ năng sống. Chú trọng nhiều hơn đến việc đổi mới phong cách làm việc và nguyên tắc tổ chức các hoạt động giáo dục; xây dựng phương pháp giảng dạy theo đúng qui luật hình thành và phát triển nhận thức, nhân cách của học sinh. Với hệ thống giá trị cốt lõi của nhà trường: Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, sáng tạo, hợp tác.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Xuân Trường tọa lạc tại số 47 Quốc lộ 1K, Khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường được xây dựng từ trước năm 1975, tiền thân là Trường cấp I, II Xuân Hiệp, sau khi tách các lớp tiểu học, Trường Phổ thông cơ sở Xuân Trường chỉ còn các lớp cấp II công lập nên trường đã được đổi tên trường thành Trường Trung học cơ sở Xuân Trường theo quyết định số 699/QĐ/UB ngày 05 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức về việc sắp xếp mạng lưới Giáo dục và Đào tạo huyện Thủ Đức. Khuôn viên trường khá chật hẹp vì thế phần nào ảnh hưởng đến các hoạt động của trường như việc trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học cũng như các hoạt động phong trào.

Trường Trung học cơ sở Xuân Trường có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên địa bàn phường Linh Xuân. Khuôn viên của trường với diện tích là 3430,1 m² gồm 23 phòng học và 11 phòng chức năng, các phòng học đều đủ điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giảng dạy và sinh hoạt ngoại khóa của học sinh.

Trường Trung học cơ sở Xuân Trường hoạt động với sứ mệnh: “Xây dựng trường học hạnh phúc giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực và các giá trị sống”.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức, Đảng ủy, chính quyền và nhân dân phường Linh Xuân. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Nhà trường luôn nâng cao ý thức, phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ về mọi mặt, ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học. Ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan nhà trường tiến tới xây dựng trường học thân thiện, trường xanh – sạch – đẹp.

Đội ngũ của trường: Ban giám hiệu nhà trường đều có trình độ trên chuẩn về chuyên môn, năng lực quản lý khá tốt. Nhà trường có trên 97% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, có ý thức trách nhiệm cao, tâm huyết với phong trào giáo dục. Học sinh của trường chăm ngoan, có truyền thống hiếu học.

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2022 – 2027 tầm nhìn 2032 nói riêng và kế hoạch chiến lược phát triển của các nhà trường trong toàn ngành nói chung có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện đổi mới căn

bản toàn diện GD-ĐT góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đào tạo của đất nước. Cùng với các nhà trường xây dựng ngành giáo dục và đào tạo thành phố Thủ Đức phát triển ổn định, chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương nói riêng, của huyện của tỉnh và đất nước nói chung.

Hơn 27 năm hình thành và phát triển, trường THCS Xuân Trường được biết đến là ngôi trường có chất lượng giáo dục; đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 năm 2022. Với đội ngũ giáo viên có trình độ, giàu kinh nghiệm góp phần tạo điều kiện giúp cho các em học sinh có được môi trường học tập, vui chơi tốt. Bên cạnh đó, nhận thức được con người là yếu tố quan trọng cho sự phát triển lâu dài và bền vững, Ban giám hiệu nhà trường đã tập trung phát triển nhân lực, nâng cao trình độ nghiệp vụ của giáo viên. Hàng năm, nhà trường đều lên kế hoạch cho giáo viên – công nhân viên nhà trường tham dự các lớp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

1.8. Thông tin người đại diện pháp luật:

Ông: Nông Quốc Tuấn

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Xuân Trường, 47 Quốc lộ 1K, phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 0988935424
- Địa chỉ thư điện tử: nongquoctuan83@gmail.com

1.9. Tổ chức bộ máy:

- a. Quyết định thành lập: 699/QĐ-UB ngày 5 tháng 8 năm 1995 của UBND Huyện Thủ Đức.
- b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.
- c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.
- d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

1.10. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	9	5	4	9		1	7	1	
2	Ngữ văn	8	8	4	7	1		8		
3	Tiếng Anh	7	7	2	5	2		6	1	
4	Vật Lý	2	1	0	2			2		
5	Hóa	2	2	0	2			2		
6	Sinh	4	4	1	4		1	3		
7	Lịch sử	3	3	1	3			3		
8	Địa lý	2	2	1	2			2		
9	GDCD	2	2	1	2			2		
10	CN	3	2	2	3			3		
11	Tin học	1	1	1	1			1		
12	Thể dục	2	1	1	2			2		
13	Âm nhạc	2	1	0	2				2	
14	Mỹ thuật	1	1	0	1			1		
	Cộng	48	39	18	45	3	2	42	4	0

2.2. Cán bộ quản lý - Nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Hiệu trưởng	1		1	1			1		
2	Phó Hiệu trưởng	2	1	2	2		1	1		
3	Kế toán	1	1		1				1	
4	Văn thư	1	1		1				1	
5	Thủ quỹ									
6	Thư viện	1	1		1				1	
7	TB-PTH									
8	Y tế	1	1		1					1
9	CNTT									
10	Bảo vệ	2				2				2
11	Phục vụ	2	2			2				2
	Cộng	11	7	3	7	4	1	2	3	5

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	23	Số m ² /học sinh

II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	23	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	23/30	
8	Bình quân học sinh/lớp	1398	46.6
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3430.1	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	52	1,2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	23	0,9
3	Diện tích thư viện (m ²)	52	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	23	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	10	
1.2	Khối lớp 7	10	
1.3	Khối lớp 8	10	
1.4	Khối lớp 9	10	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	57	Số học sinh/bộ 01
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	25	
2	Cát xét	05	
3	Bảng tương tác	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	05	
5	Màn hình tương tác	00	

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Danh mục sách giáo khoa lớp 6

STT	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NHÀ XB
1	Toán 6 - Tập 1 (Chân Trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên).	GĐVN
2	Toán 6 - Tập 2 (Chân Trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên).	GĐVN
3	Ngữ Văn 6 - Tập 1 (Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Diệp	GĐVN
4	Ngữ Văn 6 - Tập 2 (Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam (Chủ biên), Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu,	GĐVN
5	Khoa Học Tự Nhiên 6 (Chân Trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương	GĐVN
6	Lịch Sử và Địa Lí 6(Chân Trời sáng tạo)	Hà Bích Liên (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí)	GĐVN
7	Công Nghệ 6 (Chân Trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên)	GĐVN

8	Giáo Dục Công Dân 6 (Chân Trời sáng tạo)	Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên)	GDVN
9	Âm nhạc 6 (Chân Trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên)	GDVN
10	Mĩ thuật 6 (Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên)	GDVN
11	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6 (Chân Trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên)	GDVN
12	Giáo dục thể chất 6(Chân Trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên)	GDVN
13	Tin học 6 - Cánh diều	Hồ Sỹ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên)	GDVN
14	Tiếng anh 6 Friends Plus- Student Book		GDVN
15	Tiếng anh 6 Friends Plus- Workbook		GDVN

Danh mục sách giáo khoa lớp 7

STT	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NHÀ XB
1	Toán 7 - Tập 1(Chân Trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên).	GDVN
2	Toán 7 - Tập 2(Chân Trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên).	GDVN
3	Ngữ Văn 7 - Tập 1(Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	GDVN
4	Ngữ Văn 7 - Tập 2(Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	GDVN
5	Giáo Dục Công Dân 7(Chân Trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên)	GDVN

6	Lịch sử và Địa lí 7(Chân Trời sáng tạo)	Hà Bích Liên,Mai Thị Phú Phương(đồng Chủ biên,phần Lịch sử), Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên),Phan Văn Phú,Mai Phú Thanh (Chủ biên, phần Địa lí)	GDVN
7	Khoa Học Tự Nhiên 7(Chân Trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp,Tổng Xuân Tám(đồng Chủ biên)	GDVN
8	Công nghệ 7(Chân Trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên)	GDVN
9	Giáo dục thể chất 7(Chân Trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên)	GDVN
10	Âm nhạc 7(Chân Trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên)	GDVN
11	Mĩ thuật 7 - bản 1(Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên)	GDVN
12	Hoạt động trải nghiệm 7 - bản 1 (Chân Trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên)	GDVN
13	Tin học 7 – (Chân Trời sáng tạo)	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	GDVN
14	Tiếng anh 7 I-Learn Smart World Student’s Book		ĐHSP TPHCM
15	Tiếng anh 7 I-Learn Smart World Workbook		ĐHSP TPHCM

Danh mục sách giáo khoa lớp 8

STT	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NHÀ XB
1	Toán 8 - Tập 1(Chân Trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên).	GDVN

2	Toán 8 - Tập 2(Chân Trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Quốc Chung, Trần Đức Huyền (đồng Chủ biên).	GDVN
3	Ngữ Văn 8 - Tập 1(Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (Đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Điệp	GDVN
4	Ngữ Văn 8 - Tập 2(Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (Đồng Chủ biên), Trần Lê Duy, Nguyễn Thị Ngọc Điệp	GDVN
5	Lịch Sử và Địa Lí 8(Chân Trời sáng tạo)	Hà Bích Liên (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí)	GDVN
6	Công Nghệ 8(Chân Trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên)	GDVN
7	Giáo Dục Công Dân 8(Chân Trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An	GDVN
8	Âm nhạc 8(Chân Trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tô Mai (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hào (Chủ biên)	GDVN
9	Mĩ thuật 8, bản 2 (Chân Trời sáng tạo)	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên)	GDVN
10	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 8, bản 1 (Chân Trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa(Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên)	GDVN
11	Khoa Học Tự Nhiên 8 (Cánh diều)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ(đồng Chủ biên)	GDVN
12	Giáo dục thể chất 8 (Cánh diều)	Nguyễn Duy Quyết(Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn(Chủ biên)	GDVN
13	Tin học 8(Chân Trời sáng tạo)	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hồ Thị Hồng, Quách Tất Hoàn	GDVN
14	Tiếng anh 8 I-Learn Smart World Student's Book		ĐHSP TPHCM

15	Tiếng anh 8 I-Learn Smart World Workbook		ĐHSP TPHCM
----	---	--	---------------

Danh mục sách giáo khoa lớp 9

TT	Môn	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn	Ngữ văn 9 tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Ngữ văn 9 tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	
2	Toán	Toán 9, tập một (Cánh diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)(Đơn vị liên kết:Đại học Sur phạm TP Hồ Chí Minh)
		Toán 9, tập hai (Cánh diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	
3	Tiếng Anh	Tiếng Anh 9 Friends Plus	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trần Kim Duyên, Trần Nguyễn Thụy Thoại Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Môn	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
4	GDTC	Giáo dục thể chất 9 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lê Phước Thật, Nguyễn Thị Thủy Trâm, Phạm Thái Vinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	LS & ĐL	Lịch sử và Địa lí 9 (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (đồng chủ biên phần lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Việt Ngạc, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Kim Tường Vi, Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	GDCD	Giáo dục công dân 9 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	KHTN	Khoa học tự nhiên 9 (Cánh Diều)	Đình Quang Báo, (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Đặng Thị Oanh, Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Lê Mạnh Cường, Phạm Thùy Giang, Vũ Thị Bích Huyền, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Đức Long, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Đình Trần	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)(Đơn vị liên kết:Đại học Sư phạm TP

TT	Môn	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
			Phuong, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tươi, Dương Bá Vũ, Ngô Văn Vụ	Hồ Chí Minh)
8	Tin học	Tin học 9 (Chân trời sáng tạo)	Quách Tắt Kiên, (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Cổ Tôn Minh Đăng, Hồ Thị Hồng, Nguyễn Tấn Phong, Đoàn Thị Ái Phương, Đào Thị Thò, Nguyễn Thanh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc	Âm nhạc 9 (Chân trời sáng tạo)	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tố Mai (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hảo (Chủ biên) Lương Diệu Ánh, Nguyễn Thị Ái Chiêu, Trần Đức Lâm, Lương Minh Tân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật	Mĩ thuật 9 (Chân trời sáng tạo bản 2)	Nguyễn Thị May (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Văn Bình, Đào Thị Hà, Trần Đoàn Thanh Ngọc.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phượng,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Môn	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
			Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	
12	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo bản 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Việc tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục là điều cần thiết của các trường học nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Thủ Đức, Trường Trung học cơ sở Xuân Trường đã tổ chức thực hiện việc báo cáo tự đánh giá tại đơn vị. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/20 - Tỉ lệ: 10%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 18/20 - Tỉ lệ: 90%

Mức đánh giá của nhà trường là: Mức 1

Căn cứ kết quả báo cáo tự đánh giá, Trường Trung học cơ sở Xuân Trường sẽ rút ra bài học kinh nghiệm về công tác quản lý, điều hành đơn vị cũng như trong quá trình tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường. Từ đó, nhà trường sẽ xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn mới phù hợp, khả thi và hiệu quả hơn.

Cơ sở giáo dục tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ: 1

Cơ sở giáo dục tự đánh giá đạt chuẩn quốc gia mức độ: 1

Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 03/2027.

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Năm học 2024 - 2025 thực hiện chuyển đổi số trong công tác thiết bị, kiện toàn Hội đồng trường, xây dựng kế hoạch phụ đạo nhằm giảm tỉ lệ học chưa đạt, nâng cao tỉ lệ học sinh lên lớp và đậu tuyển sinh 10.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

5.1. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		8 lớp 6	9 lớp 7	8 lớp 8	5 lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện theo Kế hoạch số 6020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024 – 2025. 	<ul style="list-style-type: none"> HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của BGD&ĐT. HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định. Có giấy chuyển trường của Phòng GDĐT thành phố Thủ Đức. 	<ul style="list-style-type: none"> HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của BGD&ĐT. HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định. Có giấy chuyển trường của Phòng GDĐT thành phố Thủ Đức. 	<ul style="list-style-type: none"> HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của BGD&ĐT. HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định. Có giấy chuyển trường của Phòng GDĐT thành phố Thủ Đức.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo, Sở Giáo Dục Đào tạo TPHCM. Một số lớp thực hiện chương trình Anh văn tăng cường (lớp 6/1, 6/2, 7/1, 7/2, 8/1, 8/2) Giáo dục chương trình ngoài nhà trường: Kỹ năng sống, Tiếng Anh bản ngữ, Tin học quốc tế theo đề án 762, Giáo dục STEM. 			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. 			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		8 lớp 6	9 lớp 7	8 lớp 8	5 lớp 9
	Yêu cầu về thái độ học tập của học Sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường trung học, học tập và làm theo 5 Điều Bác Hồ dạy.. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao. - Nhà trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1. - Học sinh – Đội viên thực hiện chủ đề năm học 2024 – 2025. 			
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế thiết bị dạy học, các phòng chức năng. - Phòng học được trang bị tương đối đầy đủ các thiết bị phục vụ cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh. - Được trang bị cơ sở vật chất theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Thực hiện tổ chức bán trú cho khối 6, 7, 8, 9 (có máy lạnh). - Điều kiện cơ sở vật chất của trường được cải tạo sửa chữa các nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa mái nhà, chống thấm các phòng học khang trang, sạch sẽ. Trang bị tivi thông minh cho 100% phòng học, phòng chức năng. Trang bị thêm 01 phòng học tin học. Tiếp tục trang bị máy lạnh cho các phòng học. - Môi trường sạch sẽ, an toàn, thông thoáng. 			
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội, hoạt động sáng tạo khoa học... - Được tham gia các câu lạc bộ TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách, từ các nguồn đóng góp, xã hội hóa. - Được giáo dục kỹ năng sống, tham quan, hướng nghiệp. - Được tham gia các cuộc thi do trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, quốc gia tổ chức. - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp) 			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		8 lớp 6	9 lớp 7	8 lớp 8	5 lớp 9
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số CB - GV: 49 người trong đó: BGH 3; GV: 46 - Trình độ trên Đại học: 3; Đại Học: 42, Cao Đẳng (đang học nâng chuẩn): 4 - Tỷ lệ GV: 1.53 GV/lớp, tương đối đủ giáo viên giảng dạy các môn học. - Thực hiện công tác quản lý theo quy định của điều lệ trường phổ thông. - Phương pháp giảng dạy linh hoạt, phù hợp đối tượng học sinh. 			
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng theo đúng chuẩn kiến thức của BGDĐT. Phần đầu trên 98% học sinh 6,7,8 lên lớp thẳng và trên 99% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS, trên 90% học sinh đậu lớp 10 công lập. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng, chống các dịch bệnh thông thường, khám sức khỏe 1 lần/ 1 năm, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh. 			
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 98%. - Duy trì sĩ số ổn định. 			

5.2. Kết quả giáo dục năm học 2023 - 2024:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1,395	439	361	236	359
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1,224 89.15%	409 93.17%	318 88.09%	178 75.42%	319 88.86%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	163 11.68%	26 5.92%	39 10.80%	58 24.58%	40 11.14%
3	Trung bình/Đạt	7	3	4	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.5%	0.68%	1.11%		
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07%	1 0.23%	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1,395	439	361	236	359
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	384 27.53%	134 30.52%	96 26.59%	62 26.27%	92 25.63%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	524 37.56%	167 38.04%	134 37.12%	76 32.20%	147 40.95%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	463 33.19%	132 30.07%	123 34.07%	90 38.14%	118 32.87%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	24 1.72%	6 1.37%	8 2.22%	8 3.39%	2 0.56%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1,395	439	361	236	359
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1,371 98.28%	433 98.63%	353 97.78	228 96.61%	359 100%
a	Học sinh giỏi/xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	159 11.4%	34 7.74%	19 5.26%	15 6.36%	91 25.35%
b	Học sinh tiên tiến/giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	372 26.67%	100 22.78%	77 21.33%	47 19.92%	148 41.23%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	40 2.87%	12 2.73%	16 4.43%	12 5.08%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	22 1.58%	6 1.37%	8 2.22%	8 3.39%	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	25 1.79%	2 0.14%	1 0.07%	12 0.86	10 0.71%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp thành phố Thủ Đức	39				
2	Cấp tỉnh/thành phố	15				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	359				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	359				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	92 25.6%				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	147 40.9%				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	120 33.4%				
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1,395	439	361	236	359
	Số HS Nam	650	213	173	105	159
	Số HS Nữ	745	226	188	131	200
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	57	28	11	9	9

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính năm 2023:

1.1. Các khoản thu (Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác))

a) Nguồn ngân sách.

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 11.671.917.000 đồng
- Nguồn ngân sách không tự chủ: 3.109.523.647 đồng

b) Nguồn thu dịch vụ.

- Nguồn thu học phí: 3.799.600.000 đồng
- Nguồn thu sự nghiệp: 2.158.064.647 đồng

1.2. Các khoản chi (Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.)

a) Nguồn ngân sách.

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 11.671.917.000 đồng
- Nguồn ngân sách không tự chủ: 3.109.523.647 đồng

b) Nguồn học phí

- Chi cải cách tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP: 1.519.840.000 đồng
- Chi hoạt động thường xuyên: 1.409.799.620 đồng

c) Nguồn thu sự nghiệp:

- Chi hoạt động thường xuyên: 1.738.827.342 đồng
- Chi nộp thuế: 43.294.182 đồng
- Trích Cải cách tiền lương: 149.266.303 đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2023 - 2024:

(Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.)

2.1 Các khoản thu và mức thu đối với người học NH 2023-2024

- Tiền tổ chức dạy học hai buổi /ngày: 120.000đ/hs/tháng.
- Tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ 82.000đ/hs/ tháng
- Tiền tổ chức Giáo dục Kỹ năng sống: 80.000đ/hs/tháng
- Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài: 110.000đ/hs/tháng
- Tiền tổ chức Giáo dục Stem: Chưa thực hiện thu
- Tin học quốc tế IC3: 130.000đ/hs/tháng
- Tiền tổ chức học bơi: 260.000 đ/hs/khóa
- Học phí: không thực hiện thu
- Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 120.000đ/hs/năm
- Tiền suất ăn bán trú: 30.000 đ/hs/ngày
- Tổ chức phục vụ, quản lý bán trú và vệ sinh bán trú đối với trường hợp đồng suất ăn nấu sẵn: 160.000đ/hs/tháng
- Thiết bị vật dụng bán trú 160.000đ/HS học bán trú/ năm

m. Học phẩm (đề kiểm tra giấy thi): 30.000đ/hs/năm

2.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học NH 202 4- 2025

e. Tiền tổ chức dạy học hai buổi /ngày: 100.000đ/hs/tháng.

f. Tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ: 82.000đ/hs/ tháng

g. Tiền tổ chức Giáo dục Kỹ năng sống: 80.000đ/hs/tháng

h. Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài: 110.000đ/hs/tiết/tháng

i. Tiền tổ chức Giáo dục Stem: 80.000đ/hs/tháng

j. Tiền tổ chức Tin học quốc tế IC3: 145.000 đ/hs/tháng

k. Tiền tổ chức học bơi: 260.000đ/hs/khoá học

l. Học phí: 60.000đ/hs/tháng

m. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số:
24.000đ/hs/tháng

n. Tiền suất ăn bán trú: 32.000 đ/hs/ngày

o. Tổ chức phục vụ, quản lý bán trú và vệ sinh bán trú đối với trường hợp đồng
suất ăn nấu sẵn: 170.000đ/hs/tháng

p. Thiết bị vật dụng bán trú 170.000đ/hs/ năm học

q. Học phẩm: không thực hiện thu

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp, miễn giảm học phí cho người học.

Miễn giảm học phí NH 2023-2024: 4.560.000 đồng

Miễn giảm học phí buổi hai NH 2023-2024: 12.440.000 đồng

Hỗ trợ chi phí học tập: 49.500.000 đồng

4. Số dư các quỹ theo quy định

+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp:	322.174.365	đồng
+ Quỹ Khen thưởng:	62.132.688	đồng
+ Quỹ Phúc lợi:	557.995.315	đồng
+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập/BSTN:	422.302.432	đồng
+ Nguồn CCTL nguồn thu để lại:	1.669.106.303	đồng

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở:

- Công khai dự toán NSNN
- Công khai quyết toán các khoản thu, chi NSNN, thu sự nghiệp

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 1
- Chuyển đổi số: Đáp ứng tốt
- Chi bộ: hoàn thành tốt
- Công đoàn: hoàn thành tốt
- Chi Đoàn, Đội TNTP: Hoàn thành xuất sắc

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi: 04 giáo viên
- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 12
- Lao động tiên tiến: 85%
- Tỷ lệ TN THCS: 100%
- Tỷ lệ đậu tuyển sinh 10: 89%
- Lên lớp thẳng: 97%
- Hiệu suất đào tạo: 97%
- Học sinh giỏi cấp thành phố Thủ Đức: 50 học sinh
- Học sinh giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh: 01 học sinh
- Tỷ lệ học sinh Khá, Tốt: 70%./.

Nơi nhận:

- Đăng website;
- Lưu VT.

